

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 05/08/2021 11:08:14

Trường: THCS NGUYỄN THỊ THẬP

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	AL50TN	9A9	ĐÀM VÂN ANH	09/10/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.6	7.7	8.4	0	25.7
2	AL50Z0	9A9	HUỖNH LAN ANH	19/04/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.2	8.3	9.1	0	26.6
3	AL50YZ	9A9	TRƯỜNG VÂN ANH	26/03/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	10	8.7	8.7	1	28.4
4	AL50Z1	9A9	MAI NHẬT ÁNH	18/04/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.2	7.7	8.5	0	25.4
5	AL50Z3	9A9	NGUYỄN MINH ĐỨC	30/01/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	7	7.3	0	22.4
6	AL50Z2	9A9	NGUYỄN MẠNH DŨNG	08/09/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.5	6.7	7.6	0	20.8
7	AL50Z4	9A9	LÊ NGỌC HÀ	03/09/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.9	8	8.9	0	26.8
8	AL50Z6	9A9	ĐƯƠNG NGỌC GIA HÂN	19/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.2	6.7	6	0	19.9
9	AL50Z5	9A9	LƯƠNG TRUNG HÀO	30/04/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.5	6.6	8.2	0	23.3
10	AL50Z7	9A9	NGUYỄN THÀNH HIỆP	08/03/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	9	7.8	8.7	0	25.5
11	AL50Z8	9A9	NGUYỄN ĐẶNG MINH HÒA	25/08/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.6	8.2	6.9	0	23.7
12	AL50Z9	9A9	ĐẶNG QUỐC HUY HOÀNG	20/10/2006	Lâm Đồng	NAM	AV	9.1	8	8.9	0	26
13	AL5111	9A9	NGUYỄN ANH HUY	07/10/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.3	7.7	7.2	0	23.2
14	AL50ZB	9A9	NGUYỄN TRẦN ANH HUY	23/10/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.6	7.1	6.2	0	20.9
15	AL50ZA	9A9	TRẦN PHẠM GIA HUY	17/06/2006	Bình Thuận	NAM	AV	8.4	7.3	7.3	0	23
16	AL50ZE	9A9	PHAN VÕ YẾN KHANH	26/02/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.8	7.2	7.1	0	23.1
17	AL50ZF	9A9	NGUYỄN MINH KHÔI	23/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.5	7.2	9.2	0	25.9
18	AL50ZC	9A9	PHẠM TUẤN KIẾT	03/08/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	9	6.9	7.8	0	23.7
19	AL50ZG	9A9	HUỖNH THANH LÂM	08/08/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.6	7.1	7.8	0	23.5

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 05/08/2021 11:08:14

Trường: THCS NGUYỄN THỊ THẬP

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

20	AL50ZI	9A9	CHU THẠCH KHÁNH LINH	09/11/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.8	7.4	7.7	0	22.9
21	AL50ZH	9A9	HÀ THỰC ÁI LINH	30/04/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.5	8.4	9	1	27.9
22	AL50ZJ	9A9	NGUYỄN PHẠM NGỌC MINH	18/08/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.9	7.9	8.4	0	25.2
23	AL50ZK	9A9	NGUYỄN HOÀNG HẢI MY	29/10/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.4	7.5	9.2	0	26.1
24	AL50ZL	9A9	NGUYỄN NHÂN NGHĨA	02/04/2006	Bình Định	NAM	AV	6.6	6.5	7.2	0	20.3
25	AL50ZM	9A9	NGUYỄN HOÀNG YẾN NGỌC	24/09/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	7.2	7.2	0	22.9
26	AL50ZO	9A9	ĐỒNG ĐỨC NGUYỄN	22/09/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.7	6.6	6.2	0	19.5
27	AL50ZN	9A9	HOÀNG NHẬT NGUYỄN	04/10/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.3	7.4	8	0	23.7
28	AL50ZP	9A9	NGUYỄN VĂN HOÀNG NGUYỄN	20/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.3	6.8	8.7	0	24.8
29	AL50ZQ	9A9	LÊ THÚY NHI	11/08/2006	Vĩnh Long	NỮ	AV	7.8	6.8	8.8	0	23.4
30	AL50ZR	9A9	VÕ TRẦN MINH NHƯ	29/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.9	8.2	9.7	0	27.8
31	AL50ZU	9A9	LÊ THỊ HÀ PHƯƠNG	20/03/2006	Thanh Hóa	NỮ	AV	9.6	7.8	8.6	0	26
32	AL50ZT	9A9	NGUYỄN THANH HÀ PHƯƠNG	09/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.7	8.1	8.3	0	25.1
33	AL50ZV	9A9	NGUYỄN ANH QUÂN	16/01/2006	Nghệ An	NAM	AV	8.5	7.7	8.1	0	24.3
34	AL50ZW	9A9	SINDYKA DE SILVA	09/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.6	7.2	9.3	0	26.1
35	AL5100	9A9	NGUYỄN VĂN HOÀNG THÁI	20/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.4	7.5	8.5	0	24.4
36	AL5101	9A9	HÀ HUY THÀNH	02/08/2006	Hà Tĩnh	NAM	AV	8.1	7	8.6	0	23.7
37	AL5102	9A9	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THẢO	21/10/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.3	8.4	8.9	0	26.6
38	AL5105	9A9	ĐÀO HUỲNH ANH THƯ	10/08/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.4	7.3	8.4	0	25.1
39	AL5104	9A9	NGHIÊM ĐỖ ANH THƯ	25/01/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.4	8.6	9.4	0	27.4
40	AL50S1	9A9	PHẠM ANH THƯ	11/03/2006	Quảng Ngãi	NỮ	AV	8.2	7.8	8.3	0	24.3

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 05/08/2021 11:08:14

Trường: THCS NGUYỄN THỊ THẬP

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

41	AL50ZY	9A9	TRẦN MAI THỦY TIÊN	18/03/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.9	8	7	0	22.9
42	AL50ZZ	9A9	PHẠM KHÁNH TOÀN	06/09/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.4	6.9	7.2	0	22.5
43	AL5107	9A9	DOÃN NGỌC TRÂM	29/10/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.1	8.1	7.7	0	24.9
44	AL5108	9A9	VŨ THỦY TRÂM	17/05/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.2	6.9	7.7	0	22.8
45	AL5109	9A9	NGUYỄN PHẠM QUỲNH TRÂN	05/11/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.3	6.5	6.9	0	20.7
46	AL5106	9A9	HOÀNG MINH TRANG	09/12/2006	Hải Phòng	NỮ	AV	7.7	7.7	7.9	0	23.3
47	AL510A	9A9	ĐINH HỮU VĂN	01/09/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.7	7.3	8.2	0	24.2
48	AL510B	9A9	HUỲNH NGỌC THIÊN Ý	20/06/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.9	6.9	6.9	0	19.7
49	AL510D	9A9	BÙI NGỌC YẾN	06/09/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	7.7	8.4	0	24.6
50	AL510C	9A9	NGUYỄN HOÀNG YẾN	05/10/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.4	7.8	9.3	0	26.5
Tổng cộng có tất cả: 50 học sinh.												

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU